TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnhphúc**

Bản án số: **42/**2024/DSST
Ngày 12/12/2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Duy Khương**

2. Ông **Trần Minh Nhựt**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Lý Khang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam** - Kiểm Sát viên.

Vào ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 39/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn H T (T T)**, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Huỳnh Thiện C**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 90 Quang Trung, phường V, thành phố R, tỉnh K.

(Theo văn bản ủy quyền đề ngày 31/7/2024)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Phạm Phú V** – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Phạm Phú V – Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn T Đ**, sinh năm 1973

Ông **Thái N H**, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh K

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn T Đ: Ông **Thái N H**, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh K

(Theo văn bản ủy quyền đề ngày 25/11/2024)

(Ông C, ông H có mặt tại phiên toà, ông V vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 29/3/2024, đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện ngày 31/7/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn ông Nguyễn H T là ông Huỳnh T C trình bày:***

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Đ và ông Thái Ngọc H có làm chủ một số dây hụi, trong đó ông Nguyễn Hữu T (T T) tham gia một số dây hụi như sau:

- Dây hụi 6.000.000đ/tháng, mở ngày 15/02/2020 âl, chân hụi có 30 hụi viên, ông T (T T) đã đóng được 18 lần thì vợ chồng bà Đ tuyên bố bể hụi, như vậy chân hụi này vợ chồng bà Đ phải trả cho ông T 108.000.000 đồng nhưng trừ tiền huê hồng 3.000.000 đồng, còn lại 105.000.000đ (Một trăm lẻ năm triệu đồng);

- Dây hụi 10.000.000đ/tháng, mở ngày 04/9/2020 âl, chân hụi có 26 hụi viên, ông T (T T) tham gia 02 chân, ông T (T T) đã đóng được 11 lần thì vợ chồng bà Đ tuyên bố bể hụi, như vậy chân hụi này vợ chồng bà Đ phải trả cho ông T là 11 lần x 10.000.000 đồng x 02 chân = 220.000.000 đồng nhưng trừ tiền huê hồng 10.000.000 đồng, còn lại 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng);

- Dây hụi 10.000.000đ/tháng, mở ngày 24/02/2021 âl, chân hụi có 27 hụi viên, ông T (T T) tham gia 02 chân, đã đóng được 05 lần thì vợ chồng bà Đ tuyên bố bể hụi, như vậy chân hụi này vợ chồng bà Đ phải trả cho ông T (Tư T) là 05 lần x 10.000.000 đồng x 02 chân = 100.000.000 đồng nhưng trừ tiền huê hồng 10.000.000 đồng, còn lại 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

Tổng cộng vợ chồng bà Đ còn nợ ông T số tiền của 03 dây hụi nêu trên tổng cộng là 405.000.000 đồng, sau đó vợ chồng bà Đ trả cho ông T (Tư T) được 200.000.000 đồng, còn nợ lại 205.000.000đ (Hai trăm lẻ năm triệu đồng).

Ông Nguyễn Hữu T (Tư T) đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà Đ, ông H thanh toán trả cho ông T (Tư T) số tiền nêu trên nhưng bà Đ, ông H cố tình né tránh và viện nhiều lý do mà không trả tiền hụi còn nợ cho ông Nguyễn Hữu T (Tư T).

Tại phiên toà hôm nay, đại diện nguyên đơn yêu cầu: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Đ, ông Thái Ngọc H phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hữu T (Tư T) số tiền nợ hụi là 205.000.000 đồng (Hai trăm lẻ năm triệu đồng) trong một lần.

**** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn (đồng thời là đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ) ông Thái Ngọc H trình bày:***

Ông H thừa nhận việc ông Nguyễn Hữu T (Tư T) có tham gia các chân hụi trong các dây hụi như nội dung đơn khởi kiện ông T (Tư T) đã nêu, hiện nay vợ chồng tôi còn nợ ông T (Tư T) số tiền hụi tổng cộng là 205.000.000đ (Hai trăm lẻ năm triệu đồng) nhưng nguyên nhân là do các thành viên trong dây hụi không đóng hụi chết nên vợ chồng ông phải xuất tiền ra trả cho các thành viên còn lại, từ đó không có khả năng trả đủ tiền nợ hụi cho ông T (Tư T).

Tại phiên toà, ông H thừa nhận vợ chồng ông còn nợ ông Nguyễn Hữu T (Tư T) tổng số tiền nợ hụi là 205.000.000đ (Hai trăm lẻ năm triệu đồng) nhưng hiện nay đang trong hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông xin trả dần số tiền còn nợ nêu trên với mức là 3.000.000đ/tháng cho đến khi dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T (Tư T). Buộc bị đơn ông Thái Ngọc H và bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hữu T (Tư T) số tiền 205.000.000đ (Hai trăm lẻ năm triệu đồng). Ông Thái Ngọc H, bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T (Tư T) yêu cầu bị đơn ông Thái Ngọc H, bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho ông Nguyễn Hữu T (Tư Ti) số tiền hụi còn nợ là 205.000.000đ (Hai trăm lẻ năm triệu đồng) nên đây là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi"*. Bị đơn ông Thái Ngọc H, bà Nguyễn Thị Đ có hộ khẩu thường trú tại Cùng địa chỉ: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh K theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về có mặt của đương sự: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T (Tư T) là ông Phạm Phú V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung:* ông Nguyễn Hữu T (Tư T) yêu cầu buộc vợ chồng ông Thái Ngọc H, bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà Hồng số tiền hụi còn nợ là 205.000.000đ (Hai trăm lẻ năm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T (Tư T): Khi tham gia chơi hụi chủ hụi là ông H, bà Đ có lập danh sách hụi viên rõ ràng và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hữu T (Tư T) và ông Thái Ngọc H, bà Nguyễn Thị Đ đều xác định là việc ông T (Tư T) tham gia chơi hụi với vợ chồng ông H, bà Đ là sự tự nguyện và hiện nay ông H, bà Đ còn nợ ông T (Tư T) số tiền hụi là 205.000.000đ (Hai trăm lẻ năm triệu đồng).

Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định ông Thái Ngọc H, bà Nguyễn Thị Đ còn nợ tiền hụi của ông Nguyễn Hữu T (Tư T) với số tiền là 205.000.000đ (Hai trăm lẻ năm triệu đồng). Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông Thái Ngọc H, bà Nguyễn Thị Đ phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hữu T (Tư T) số tiền hụi 205.000.000đ (Hai trăm lẻ năm triệu đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tiền lãi: Do hai bên không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T (Tư T) được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Thái Ngọc H, bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm đ khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T (Tư T)

Buộc bị đơn ông Thái Ngọc H, bà Nguyễn Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T (Tư T) số tiền còn nợ là 205.000.000đ (Hai trăm lẻ năm triệu đồng).

Địa điểm giao nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả dứt điểm số tiền nêu trên cho nguyên đơn thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Thái Ngọc H và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí với số tiền là 10.250.000 (Mười triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T (Tư T) không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Phạm Ngọc Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội Thẩm Nhân Dân **Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Duy Khương **Vũ Văn Hợp** **Danh Phạm Ngọc Khánh**